

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E501

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h15

Ngày thi: 28/10/2022

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA3000	18810310341	Trần Văn	An	16/6/2000			
2	TA3001	1781410402	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	26/3/1999			
3	TA3002	1781620002	Đỗ Hoài	Anh	13/10/1999			
4	TA3003	1781410306	Trần Ngọc	Anh	4/1/1999			
5	TA3004	18810710130	Đinh Phương Ngọc	Ánh	9/1/2000			
6	TA3005	18810840006	Nguyễn Hoàng	Cúc	11/10/1999			
7	TA3006	18819120032	Lê Tất	Đạt	18/3/2000			
8	TA3007	19810430169	Nguyễn Tiến	Đạt	21/9/2001			
9	TA3008	1781420154	Nguyễn Văn	Đoàn	3/3/1999			
10	TA3009	18810610072	Nguyễn Văn	Dự	8/11/2000			
11	TA3010	1781410321	Hoàng Minh	Đức	5/7/1999			
12	TA3011	18810610012	Bùi Anh	Dũng	2/7/2000			
13	TA3012	1681650013	Nguyễn Tiến	Dũng	6/10/1998			
14	TA3013	18810420156	Nguyễn Việt	Dũng	20/11/2000			
15	TA3014	1781110119	Nguyễn Việt	Dũng	25/1/1999			
16	TA3015	18810820034	Bùi Nam	Dương	8/11/2000			
17	TA3016	18810320110	Phạm Trường	Giang	20/7/2000			
18	TA3017	18810830115	Phạm Thanh	Hà	21/7/2000			
19	TA3018	18810170035	Đỗ Minh	Hải	27/12/2000			
20	TA3019	18810650001	Nguyễn Trung	Hải	9/1/2000			
21	TA3020	1781810023	Nguyễn Thị Minh	Hằng	1/1/1999			
22	TA3021	18810310576	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	12/1/2000			
23	TA3022	18810430046	Hoàng Minh	Hiếu	22/9/2000			
24	TA3023	18810320267	Vũ Khắc	Hiếu	9/8/2000			

25	TA3024	1781410330	Đinh Quốc	Hiếu	25/9/1999			
26	TA3025	18810000029	Lại Minh	Hiếu	5/1/2000			
27	TA3026	18810710070	Nguyễn Thị	Hoa	9/4/2000			
28	TA3027	18810430005	Nguyễn Xuân	Hùng	28/2/1998			
29	TA3028	18810110203	Trần Gia	Hùng	12/1/2000			
30	TA3029	18810610027	Nguyễn Thành	Hưng	17/6/2000			
31	TA3030	1781810133	Phạm Thị Thu	Hương	24/7/1999			
32	TA3031	18810810091	Đỗ Trung	Kiên	1/8/2000			
33	TA3032	19810310657	Trần Trung	Kiên	24/11/2001			
34	TA3033	18810110299	Bùi Quang Hiếu	Kiên	30/9/2000			
35	TA3034	1781820071	Hoàng Hoài	Lâm	5/6/1999			
36	TA3035	1781910003	Phạm Hữu	Long	10/11/1999			
37	TA3036	18810420116	Nguyễn Kim	Long	24/5/2000			
38	TA3037	18810510020	Trần Ngọc	Minh	22/8/2000			
39	TA3038	1781330033	Hoàng Lê	Minh	4/4/1999			
40	TA3039	18810170054	Doãn Phương	Nam	27/2/2000			
41	TA3040	18810110101	Trần Hoài	Nam	14/8/2000			
42	TA3041	18810610051	Hoàng Phương	Nam	30/6/2000			
43	TA3042	19810720280	Trần Hải	Nam	12/9/2001			
44	TA3043	1781510055	Hoàng Thị	Nga	30/12/1999			
45	TA3044	18810110027	Lê Bảo	Ngọc	27/7/2000			
46	TA3045	18810610059	Huỳnh Công	Ngọc	25/4/2000			
47	TA3046	18810850021	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	14/10/2000			
48	TA3047	18810310079	Tổng Minh	Ngọc	29/3/2000			
49	TA3048	1781820042	Đào Công	Nguyên	3/4/1999			
50	TA3049	1781820049	Trần Nam	Phong	21/6/1999			
51	TA3050	19810310568	Nguyễn Anh	Phúc	28/1/2001			
52	TA3051	18810320413	Lưu Văn	Phương	13/3/2000			
53	TA3052	1781820072	Nguyễn Thị Mai	Phương	16/5/1999			
54	TA3053	1781410043	Lường Tú	Quân	22/3/1997			
55	TA3054	1781510248	Trần Thế	Sơn	18/11/1999			
56	TA3055	18810810213	Nguyễn Phương	Thảo	18/4/2000			

57	TA3056	18810320479	Trần Đức	Thiện	6/1/2000			
58	TA3057	18810610045	Nguyễn Văn	Thuần	9/9/2000			
59	TA3058	18810110192	Nông Văn	Thực	5/10/2000			
60	TA3059	1781820057	Nhữ Minh	Thuý	5/9/1999			
61	TA3060	1781820058	Nguyễn Thu	Thùy	12/3/1999			
62	TA3061	1781410034	Nguyễn Minh	Tiến	26/7/1999			
63	TA3062	18810310001	Nguyễn Xuân	Toàn	7/3/2000			
64	TA3063	1781820059	Phạm Thị Ngọc	Trâm	1/2/1999			
65	TA3064	18810340053	Vũ Thị Ninh	Trang	15/6/2000			
66	TA3065	18810420316	Đỗ Văn	Trung	20/2/2000			
67	TA3066	18810110243	Ha Van	Trung	23/8/2000			
68	TA3067	1781510256	Phạm Đắc	Trung	5/12/1999			
69	TA3068	1781410373	Đỗ Minh	Trung	25/7/1999			
70	TA3069	19810620054	Vũ Thái	Trường	10/12/2001			
71	TA3070	1781410383	Ma Văn	Tuấn	20/5/1999			
72	TA3071	18810110270	Võ Quý	Tuấn	12/2/2000			
73	TA3072	18810510028	Nguyễn Quốc	Tuấn	31/10/2000			
74	TA3073	18810310359	Nguyễn Thanh	Tùng	7/7/2000			
75	TA3074	18810000092	Đặng Tổ	Uyên	6/8/2000			
76	TA3075	18810820088	Nguyễn Thị Thảo	Vân	1/8/2000			
77	TA3076	18810610043	Đào Đức	Việt	14/6/2000			
78	TA3077	18810410225	Ngô Xuân	Vinh	25/2/2000			
79	TA3078	1781420141	Nông Tuấn	Vũ	3/11/1999			
80	TA3079	18810850003	Nguyễn Minh	Vương	21/7/2000			
81	TA3080	18810830243	Vũ Ngọc Uyển	Vy	2/2/2000			
82	TA3081	18810340162	Nguyễn Thị	Xuyên	6/10/2000			
83	TA3082	18810830124	Vũ Hoàng	Yến	5/10/2000			
84	TA3083	19810310044	Trần Văn	Hưng	30/01/1997			
85	TA3084	18810850022	Tạ Trọng	Hải	7/6/2000			
86	TA3085	1781620052	Nguyễn Đình	Huy	21/02/1999			
87	TA3086	1781620079	Nguyễn Công	Tài	10/7/1999			
88	TA3087	18810430043	Phạm Việt	Hùng	26/03/2000			

89	TA3088	18810230044	Nguyễn Thị Lan	Anh	17/9/2000			
90	TA3089	1781410409	Phạm Minh	Chiêu	21/10/1999			
91	TA3090	18810000127	Phạm Đăng	Đạt	7/8/2000			
92	TA3091	1781410337	Trần Huy	Hoàng	19/8/1999			
93	TA3092	1781410449	Dương Văn	Khanh	25/1/1999			
94	TA3093	20CH5020026	Nguyễn Tiến	Cường	9/10/1992			
95	TA3094	20CH5020017	Hà Lê	Huy	28/1/1997			
96	TA3095		Nguyễn	Tuân	18/09/1990			
97	TA3096	17CH0000034	Phạm Quang	Tiến	14/08/1994			
98	TA3097	19CH3010015	Ngô Hồng	Khanh	01/01/1981			
99	TA3098	19CH5020010	Vương Văn	Huy	10/09/1987			
100	TA3099	20CH5020003	Trần Thái	Hà	11/7/1980			
101	TA3100	20CH4010006	Bùi Thanh	Tùng	01/03/1995			
102	TA3101	20CH5020011	Hoàng Thị Thu	Hà	13/08/1991			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)